TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2023/KDTM-ST
Ngày : 05/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán Hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huỳnh
2. Bà Lê Thị Hải

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Trần Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*:** Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023 tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 752/2020/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2022/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-KDTM ngày 12/01/2023 và Quyết định tạm ngừng số 09/2023/QĐXXST-KDTM ngày 07/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại xây dựng A

Trụ sở: 131/1 Đường H, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Sỹ K, sinh năm: 1983. Trú tại: 131/1 Đường H, Phường C, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn – Chức vụ: Giám đốc

Bị đơn: Công ty cổ phần P

Trụ sở: 25 đường X, phường Y, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Hồ Tiên S, sinh năm: 1980. Trú tại: 110 (số mới 778) dường M, Phường N, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn – Chức vụ: Giám đốc

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/9/2020, nguyên đơn là Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Sỹ K đều trình bày:

Ngày 04/4/2017, Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A (gọi tắt là Công ty A) có ký Hợp đồng mua bán số: 03/04/HĐKT/HĐ-2017 với Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P). Nội dung hợp đồng: nguyên đơn nhận cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhựa, cửa nhôm tại công trình T, địa điểm thi công: Lô 5, đường 6, KCN L, Xã B, huyện E, Long An. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 94.913.230đồng.

Ngày 17/4/2017, Công ty A tiếp tục ký Hợp đồng mua bán số: 17/04/HĐKT/HĐ-2017 và phụ lục Hợp đồng số: 15/09/PLHĐ/TGP-NQ/2017 ngày 15/9/2017 với Công ty P. Nội dung hợp đồng: nguyên đơn nhận thi công lắp đặt hệ thống vách kính mặt dựng, bản lề sàn cũng tại công trình T, địa điểm thi công: Lô 5, đường 6, KCN L, Xã B, huyện E, Long An. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 310.849.868đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành công việc, 02 bên đã tiến hành lập các biên bản bàn giao nghiệm thu công trình vào ngày 15/10/2017. Tổng số tiền nghiệm thu của hợp đồng số: 03/04/HĐKT/HĐ-2017 là 93.067.660 đồng. Tổng số tiền nghiệm thu của hợp đồng số: 17/04/HĐKT/HĐ-2017 và phụ lục Hợp đồng số: 15/09/PLHĐ/TGP-NQ/2017 là 424.000.000đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn đã không thanh toán tiền theo đúng cam kết, chỉ thanh toán được 255.975.051đồng.

Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn thanh toán nợ nhưng bị đơn vẫn không thanh toán. Sau đó hai bên đã tiến hành lập biên bản xác nhận tiền nợ và cam kết thời gian thanh toán với tổng số tiền Công ty P còn nợ Công ty A là 168.024.949đồng và từ đó đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào dù nguyên đơn đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty P trả một lần tổng số tiền còn nợ là 272.200.417đồng (trong đó, nợ gốc: 168.024.949đồng, nợ

lãi chậm thanh toán tính từ ngày 22/10/2017 đến ngày 22/12/2022 là 62 tháng với mức lãi suất 1%/tháng: 104.175.468đồng).

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thay đổi yêu cầu, đề nghị Tòa buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 168.024.949đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 22/10/2017 đến ngày 22/3/2023 là 65 tháng theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm: 81.912.162 đồng. Tổng cộng là 249.937.111 đồng.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Công ty P vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Về quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A và Công ty cổ phần P là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Công ty cổ phần P có trụ sở tại địa chỉ: 25 đường X, phường Y, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, có mã số doanh nghiệp: 0306620427. Đăng ký lần đầu ngày 10/01/2009, đăng ký thay đổi

lần thứ 5 ngày 21/11/2016 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty P có đại diện theo pháp luật là ông Hồ Tiên S.

Công ty P là bị đơn, không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Do đó, Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn giao nộp và do Tòa án thu thập được. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố. Toà án nhân dân quận Phú Nhuận đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ giấy triệu tập làm bản tự khai, nộp bản tự khai, hòa giải-tiếp cận công khai chứng cứ và xét xử theo quy định của pháp luật đối với Công ty P, nhưng Công ty P đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Công ty P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của Công ty A đòi Công ty P thanh toán ngay số tiền còn nợ theo biên bản xác nhận tiền nợ và cam kết thời gian thanh toán ngày 18/5/2020 là 168.024.949đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số: 03/04/HĐKT/HĐ – 2017 ngày 04/4/2017 về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhựa, cửa nhôm có nội dung và khối lượng công việc cụ thể theo hợp đồng tại công trình T, địa điểm thi công: Lô 5, đường 6, KCN L, Xã B, huyện E, Long An. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 94.913.230đồng được lập bằng văn bản, có chữ ký của ông Hồ Tiên S là đại diện theo pháp luật của công ty P (bên A, bên thầu chính) và ông Nguyễn Sỹ K là đại diện theo pháp luật của công ty A (bên B, bên thi công) và có đóng dấu của hai Công ty đủ cơ sở để xác định hai bên đã có giao dịch mua bán hàng hóa, Công ty P đã đặt hàng yêu cầu công ty A cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhựa, cửa nhôm.

[2.2] Căn cứ vào Hợp đồng mua bán số 17/04/HĐKT/HĐ – 2017 ngày 17/4/2017 về việc cung cấp và lắp đặt hệ thống vách kính mặt dựng, bản lề sàn có nội dung và khối lượng công việc cụ thể theo hợp đồng tại công trình T, địa điểm thi công: Lô 5, đường 6, KCN L, Xã B, huyện E, Long An. Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 310.849.868đồng được lập bằng văn bản, có chữ ký của ông Hồ Tiên S là đại diện theo pháp luật của công ty P (bên A, bên thầu chính) và ông Nguyễn Sỹ K là đại diện theo pháp luật của công ty A (bên B, bên thi công) và có đóng dấu của hai Công ty đủ cơ sở để xác định hai bên đã có giao dịch mua bán hàng hóa,

Công ty P đã đặt hàng yêu cầu công ty A cung cấp và lắp đặt hệ thống vách kính mặt dựng, bản lề sàn.

Khi ký kết hợp đồng, hai bên đều có đầy đủ tư cách pháp nhân, tự nguyện, bình đẳng, hợp tác giao kết với nhau. Mục đích của việc ký kết hợp đồng là để thực hiện việc cung cấp và lắp đặt hệ thống cửa nhựa, cửa nhôm, vách kính mặt dựng, bản lề sàn cho công trình T ở Long An.

Về nội dung của Hợp đồng mua bán số: 03/04/HĐKT/HĐ – 2017 ngày 04/4/2017 và số 17/04/HĐKT/HĐ – 2017 ngày 17/4/2017:

Xét thấy, nội dung của hai hợp đồng giữa hai công ty là giao dịch hoạt động mua bán hàng hóa, cung cấp thiết bị và lắp đặt vào công trình xây dựng Trung Nam hoàn toàn tự nguyện, không có áp đặt hoặc lừa dối, đã thể hiện nội dung, khối lượng, hạng mục công việc thực hiện, chất lượng thi công công trình, phương thức thanh toán, thời gian thi công, nghiệm thu, bảo hành… quy định ràng buộc trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên phù hợp với Điều 24 Luật Thương mại năm 2005. Dựa vào nội dung hợp đồng này nguyên đơn đã thực hiện xong công việc cho bị đơn, hai bên đã ký các biên bản bàn giao nghiệm thu, hoàn thành nghĩa vụ của bên bán hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 34 và khoản 1 Điều 35 Luật Thương mại 2005 nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán đủ tiền cho nguyên đơn.

[2.2] Căn cứ vào Phụ lục Hợp đồng kinh tế số 15/09/PLHĐ/TGP-NQ/2017 ngày 15/9/2017 thể hiện tên sản phẩm, kích thước, số lượng, đơn giá, thành tiền… có đóng dấu, chữ ký xác nhận của đại diện theo pháp luật của hai công ty là ông Nguyễn Sỹ K và ông Hồ Tiên S đủ cơ sở để xác định tổng giá trị của hợp đồng số 17/04/HĐKT/HĐ – 2017 ngày 17/4/2017 sau thuế là 424.000.000đồng.

[2.3] Căn cứ vào các biên bản bàn giao nghiệm thu có đóng dấu của hai công ty và chữ ký của ông K và ông S thể hiện chi tiết các sản phẩm, số lượng hàng hóa nguyên đơn đã bán và thi công cho bị đơn cũng như các phần phát sinh đã được hai bên cùng nghiệm thu và bàn giao đủ chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ và bàn giao sản phẩm cho bị đơn đúng theo thỏa thuận của hai bên.

[2.3] Căn cứ vào biên bản xác nhận tiền nợ và cam kết thời gian thanh toán, có đóng dấu và có chữ ký xác nhận giữa bên A là ông Hồ Tiên S, và bên B là ông Nguyễn Sỹ K. Hai bên đã tiến hành xác nhận với nội dung: quyết toán và tạm ứng tính đến ngày 27/9/2019 là: 349.477.000đồng. Tổng giá trị hợp đồng: 517.501.949 đồng, công nợ còn lại: 168.024.949 đồng. Ông S đã viết xác nhận thanh toán trong vòng 30 ngày, đến ngày 18/5/2020 và ký tên, đóng dấu Công ty P. Tuy nhiên, sau khi xác nhận công nợ, bị đơn không thanh toán tiền cho nguyên đơn nên ngày

23/9/2020, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ do đã quá thời hạn thanh toán theo cam kết, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn.

Đối với tiêu đề của các hợp đồng là hợp đồng mua bán, có ký hiệu là HĐKT nhưng tại các biên bản bàn giao nghiệm thu, biên bản xác nhận tiền nợ và cam kết thời gian thanh toán lại ghi là căn cứ hợp đồng kinh tế thì nguyên đơn đã xác nhận hợp đồng mua bán hay hợp đồng kinh tế là một, do bị ghi nhầm và sai về lỗi chính tả.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty A, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận đã nhiều lần triệu tập Công ty P đến Tòa để lấy lời khai về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng Công ty P vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cũng như kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty P không đến Tòa án và cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để phản đối yêu cầu trên của nguyên đơn nên căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bị đơn còn nợ ngu T, địa điểm thi công: Lô 5, đường 6, KCN L, Xã B, huyện E, Long An yên đơn số tiền 249.937.111 đồng (trong đó, nợ gốc: 168.024.949 đồng, nợ lãi chậm thanh toán tính từ ngày 22/10/2017 đến ngày 22/3/2023 là 65 tháng theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm: 81.912.162 đồng).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A đối với Công ty cổ phần P là có cơ sở nên chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát quận Phú Nhuận đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các chứng cứ và các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần P phải chịu án phí. Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 440 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 24, khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 50 Luật Thương mại 2005;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại xây dựng A số tiền còn nợ, cụ thể:

- Nợ gốc: 168.024.949 đồng.
- Tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 22/10/2017 đến ngày 22/3/2023 là 65 tháng theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 9%/năm: 81.912.162 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và lãi: 249.937.111 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi bảy ngàn một tram mười một đồng).

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại xây dựng A không yêu cầu Công ty cổ phần cổ phần P trả tiền lãi từ ngày 23/3/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm trên số tiền còn nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Công ty cổ phần P phải chịu án phí sơ thẩm là 12.496.855đồng (Mười hai triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi lăm đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH sản xuất thương mại xây dựng A số tiền tạm ứng án phí 6.049.000đồng (Sáu triệu không trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0019331 ngày 09/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Công ty cổ phần P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND TP HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thụy Bích Ngọc